

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2024
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**; sinh năm: 1997

HKTT tại: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện tại: Thôn Q, xã L, Tp., tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn T**, sinh năm 1993

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng tại TAND tỉnh Hải Dương: Anh Nguyễn Sỹ A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số I phố B, phường P, thành phố H

(Chị H và anh Sỹ A có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị H bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 08/09/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã. Đến khoảng năm 2019, anh T đi lao động tại Đài Loan, một thời gian sau chị H đi, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm hỏi han nhau. Đến

nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có con chung, không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh T là bà Phạm Thị H1 là mẹ đẻ của anh T. Bà H1 cho biết, anh T thường xuyên liên lạc về gia đình, về điều kiện kết hôn giữa anh T và chị H như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị H, anh T sống hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến năm 2018 anh T và chị H cãi vã, chị H bỏ về nhà để sống, năm 2019, anh T đi lao động tại Đài Loan, anh T thường xuyên trao đổi về việc vợ chồng không quan tâm, không hỏi han lẫn nhau hơn nữa vợ chồng không có con chung nên không có nhiều ràng buộc. Đến nay, anh T có quan điểm đồng ý ly hôn chị H, tuy nhiên anh T không về để làm thủ tục được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T được biết. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, bà đã thông báo cho anh T được biết, hiện anh T không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, anh T không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T không có con chung, tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; xử cho chị H được ly hôn anh T; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn T có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ; hiện anh T đang lao động tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia anh T đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị H1 là mẹ đẻ của anh T để bà H1 thông tin lại cho anh T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 08/09/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã. Đến khoảng năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm hỏi han nhau. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình, anh T xác định vợ tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung, về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T không có con chung, tài sản, công nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn T.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000829 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến